

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 12- 2024.

V/v: " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tông Văn Quân;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

2. Ông Giàng A Đình

- Thư ký phiên toà: Ông Lý A Đà- Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên toà: Ông Lý A Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 16/2024/QĐST- HNGĐ ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị S, sinh năm 2001; Trú tại: Bản C, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A T, sinh năm 1992; Trú tại: Bản C, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. *Người phiên dịch:* Ông Thào A D; Trú tại: Tổ E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/10/2024 và tại phiên toà nguyên đơn Giàng Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Giàng A T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 10/09/2021 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. C sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh T nghiện chất ma túy, bán hết tài sản đồ

đặc trong nhà mang đi sử dụng ma túy, không chịu khó làm ăn. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên nội, ngoại hoà giải nhiều lần, nhưng không thành do anh T không thay đổi. Nay chị S không còn tình cảm với anh T nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình trầm trọng. Do đó chị Giàng Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là:

+ Giàng Thị S1, sinh ngày 03/04/2019;

+ Giàng Thị X, sinh ngày 09/01/2022;

Hiện các cháu đang ở với ông bà nội tại bản Cồ Dề Sang A, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị X, sinh ngày 09/01/2022; Giao cho anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị S1, sinh ngày 03/04/2019. Chị S và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Giàng A T không có mặt tại Tòa án theo Thông báo triệu tập mà không có lý do.

** Tại biên bản xác minh ngày 14/11/2024 Ủy ban nhân xã L cho biết:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Giàng A T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 10/09/2021 đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Tại nơi cư trú anh Giàng A T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, qua xác minh tại UBND xã anh T là đối tượng nghiện chất ma túy, thường xuyên lang thang, không có mặt tại địa phương, khi được Tòa án triệu tập và UBND xã triệu tập nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không chịu hợp tác với Tòa án cũng như chính quyền địa phương, anh Giàng A T biết chị Giàng Thị S làm đơn xin ly hôn nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Về con chung: Có 02 con chung như chị S trình bày, qua xác minh các cháu đã có đăng ký khai sinh tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa chị Giàng Thị S thay đổi yêu cầu: Chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; Bị đơn vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Giàng Thị S được ly hôn với anh Giàng A T;

Về con chung: giao con chung là Giàng Thị S1, sinh ngày 03/04/2019 và Giàng Thị X, sinh ngày 09/01/2022 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí HNGĐ sơ thẩm cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Giàng Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn Giàng A T, trú tại bản Cồ Dề Sang A, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 12-12-2024 anh Giàng A T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày hôm nay (ngày 31-12-2024) anh Giàng A T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Giàng A T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, đến ngày 10/9/2021 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng anh T không hợp tác thể hiện anh T không có ý muốn đoàn tụ. Chị S đã được Tòa án phân tích, động viên nhưng chị S cương quyết xin ly hôn. Xét thấy trong thời gian chung sống chị S và anh T đã có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T là người nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con và gia đình, khiến cho chị S và anh T phải sống ly thân. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Giàng Thị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để được ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Giàng Thị X, sinh ngày 09/01/2022; Giao cho anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị S1, sinh ngày 03/04/2019. Tại phiên tòa chị S thay đổi muốn nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác và không có ý kiến gì về con chung. Do vậy cần giao con chung là Giàng Thị S1, sinh ngày 03/04/2019 và Giàng Thị X, sinh ngày 09/01/2022 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung

đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5]. Về ý kiến giải quyết của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S được ly hôn với anh Giàng A T.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là Giàng Thị S1, sinh ngày 03/04/2019 và Giàng Thị X sinh ngày 09/01/2022 cho chị Giàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Anh Giàng A T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã L; huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

Tòng Văn Q